

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐOAN HÙNG
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 16/5/2019

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐOAN HÙNG, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Vũ Thường

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Xuân Thọ

Ông Nguyễn Đình Đại

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Thọ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng tham gia phiên tòa: Bà Vũ Kim Duyên – Kiểm sát viên.

Ngày 16/5/2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 232/2017/TLST-HNGĐ ngày 13/10/2017 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/QĐXXST- HNGĐ ngày 12/4/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1980

Cư trú tại: Xóm C, xã N, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1975

Cư trú tại: Thôn V, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ

Chị H có mặt, anh S vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Trần Thị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn S kết hôn năm 1998 trên cơ sở hai bên đều hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký tại UBND xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xã H, huyện Đ được một thời gian thì chuyển lên huyện Y, tỉnh Tuyên Quang quê chị sinh sống. Đến năm 2016 anh S chuyển hộ khẩu về quê tại xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận được khoảng 10 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh S chơi bời không quan tâm đến gia đình, nhiều lần còn đánh đập chị. Từ tháng 6/2017 đến nay vợ chồng đã sống ly thân không quan tâm đến nhau nữa.

Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị xin được ly hôn anh S.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết tại Tòa án, bị đơn là anh Nguyễn Văn S xác nhận việc kết hôn và quá trình vợ chồng chung sống. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do hai người không hợp nhau, dẫn đến nảy sinh nhiều xô xát, đánh chửi nhau. Anh cũng xác định vợ chồng không thể hàn gắn được nữa, chị H xin ly hôn anh nhất trí.

- Về con chung: Chị H và anh S xác nhận vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Minh H1, sinh ngày 15/5/1999, Nguyễn Văn K và Nguyễn Văn Đ đều sinh ngày 22/11/2002 (sinh đôi). Đối với cháu H1 đã trưởng thành lao động tự túc được nên không đề nghị giải quyết. Đối với cháu K và cháu Đ, chị H yêu cầu được nuôi cả hai cháu và yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000đ/tháng cho đến khi các cháu trưởng thành lao động tự túc được. Anh S đề nghị được nuôi một cháu và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản chung và trả nợ chung: Trong quá trình giải quyết chị H có có đơn đề nghị chia tài sản chung và trả nợ chung của vợ chồng, nhưng đến nay chị rút yêu cầu này, không đề nghị Tòa án giải quyết nữa. Anh S cũng đề nghị Tòa án chia tài sản chung, nhưng không nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng phát biểu: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn S.

- Về con chung: Giao cho chị Trần Thị H tiếp tục trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Văn K và Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 22/11/2002. Do đến nay chị H không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con nên không phải giải quyết.

- Về chia tài sản chung, trả nợ chung: Đến nay chị H xin rút đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung, trả nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này. Đối với anh Nguyễn Văn S tuy có đơn yêu cầu chia tài sản chung nhưng không nộp tiền tạm ứng án phí nên Hội đồng xét xử không phải xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định. Đối với số tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung, do chị H rút đơn yêu cầu nên trả lại cho chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn là chị Trần Thị H cư trú tại huyện Y, tỉnh Tuyên Quang khởi kiện yêu cầu ly hôn và giải quyết nuôi con chung của vợ chồng với bị đơn là anh Nguyễn Văn S, cư trú tại xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ, nên đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân

huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tuy anh S tuy vắng mặt nhưng đã được Tòa án triệu tập phiên tòa hợp lệ lần thứ hai, nên Tòa án căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh S theo quy định.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn S kết hôn với nhau tự nguyện vào năm 1998, có đăng ký tại UBND xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ, đây là một hôn nhân hợp pháp. Hai bên sống hòa thuận được khoảng 10 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống dẫn đến đánh chửi nhau, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Từ tháng 6/2017, vợ chồng đã sống ly thân không có trách nhiệm với nhau.

Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh S đã mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ nữa. Việc chị H xin ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: Chị H và anh S có 03 con chung. Đối với cháu Nguyễn Minh H1, sinh ngày 15/5/1999 đã trưởng thành lao động tự túc được nên không phải giải quyết. 2 cháu sinh đôi là Nguyễn Văn K và Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 22/11/2002 đều đang ở với chị H. Tuy trong quá trình giải quyết anh S đề nghị được nuôi một cháu, nhưng sau đó Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đều không có mặt. Chị H yêu cầu tiếp tục được nuôi cả hai cháu là hoàn toàn chính đáng và cũng phù hợp với nguyện vọng của các cháu. Đến nay chị H không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[2.3]. Về tài sản chung, vay nợ chung: Đến nay chị H xin rút đơn khởi kiện không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử sẽ đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này. Anh S tuy có yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng nhưng không nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 228, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn S.

2. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Văn K, sinh ngày 22/11/2002 và cháu Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 22/11/2002. Anh Nguyễn Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị H. Anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản chung, trả nợ chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung, trả nợ chung của chị Trần Thị H.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: AA/2016/0004284 ngày 12/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đoan Hùng.

Hoàn lại cho chị Trần Thị H số tiền tạm ứng án phí yêu cầu chia tài sản chung đã nộp là 1.800.000đ (Một triệu tám trăm nghìn đồng), theo biên lai số AA/2016/0004335 ngày 08/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đoan Hùng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị H có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh S vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Chi cục Thi hành án;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lê Vũ Thường